

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 939/QĐ-CAT-PV01

Kon Tum, ngày 27 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh so với quy định hiện hành

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BCA ngày 25/12/2018 của Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Kế hoạch số 172/KH-CAT-PV01 ngày 18/01/2023 của Công an tỉnh về thực hiện công tác cải cách hành chính trong Công an tỉnh năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 186/KH-CAT-PV01 ngày 19/01/2023 của Công an tỉnh về thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trong Công an tỉnh năm 2023;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Tham mưu Công an tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục các thủ tục hành chính cắt giảm thời hạn giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Kon Tum (nội dung chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Đồng chí Trưởng phòng Tham mưu, Trưởng các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Cục V03 - Bộ Công an (để theo dõi);
- Trung tâm PVHCC tỉnh (để theo dõi);
- Các phòng (để thực hiện);
- Công an các huyện, thành phố (để thực hiện);
- Lưu: VT, PV01(Đ5).



GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Thượng tá Lê Xuân Thủy

PHỤ LỤC

Danh mục các thủ tục hành chính cắt giảm thời hạn giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Kon Tum
(Kèm theo Quyết định số 939 /QĐ-CAT-PV01 ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc Công an tỉnh Kon Tum)

1. **Nội dung đơn giản hóa:** Cắt giảm thời hạn giải quyết 27 thủ tục hành chính (TTHC) so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh.

2. **Kiến nghị thực thi:** Triển khai ngay khi Quyết định được ban hành.

3. **Lợi ích của phương án đơn giản hóa:** Giảm thời hạn giải quyết TTHC, giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức và cá nhân đến thực hiện TTHC.

4. **Tỷ lệ cắt giảm thời hạn giải quyết**

- TTHC cắt giảm cao nhất đạt 50%;
- TTHC cắt giảm thấp nhất đạt 07%;
- Tỷ lệ cắt giảm trung bình đạt 29%.

5. **TTHC cắt giảm thời hạn thực hiện**

STT	Tên lĩnh vực, thủ tục	Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật (ngày làm việc)	Thời hạn đề xuất cắt giảm (ngày làm việc)	Thời hạn giải quyết sau cắt giảm (ngày làm việc)	Thời hạn giảm (%)
A. CẤP TỈNH					
I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH					
1	Gia hạn tạm trú cho người đã được cấp Giấy miễn thị thực thực hiện tại Công an cấp tỉnh	05	02	03	40%
2	Gia hạn tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam thực hiện tại Công an cấp tỉnh	05	02	03	40%
3	Cấp văn bản đồng ý cho giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam đối với người Việt Nam định cư nước ngoài thực hiện tại Công an cấp tỉnh	20	10	10	50%



4	Cấp giấy thông hành biên giới cho công dân Việt Nam làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở ở tỉnh có chung đường biên giới với Lào	03	01	02	33%
II. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ					
1	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên thực hiện tại Công an cấp tỉnh	02	0,5	1,5	25%
2	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện tại Công an cấp tỉnh	02	0,5	1,5	25%
3	Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu tại Công an cấp tỉnh	02	0,5	1,5	25%
III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ PHÁO					
1	Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thể thao	05	02	03	40%
2	Thông báo khai báo vũ khí thô sơ	03	01	02	33%
3	Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp	03	01	02	33%
4	Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp	05	02	03	40%
5	Cấp Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ	05	02	03	40%
6	Cấp Giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật	05	02	03	40%
7	Đề nghị làm mất tính năng, tác dụng của vũ khí, công cụ hỗ trợ được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật	05	02	03	40%
8	Đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật	05	02	03	40%
IV. LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY					
1	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ thuộc	03	0,5	2,5	17%



	loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9 bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường thủy nội địa (trừ vật liệu nổ công nghiệp) (thực hiện tại cấp tỉnh)				
2	Cấp đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh)	07	0,5	6,5	7%
3	Cấp đổi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh)	05	0,5	4,5	10%
4	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh)	05	0,5	4,5	10%
V. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ, KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ					
1	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT thực hiện tại Công an cấp tỉnh	04	01	03	25%
VI. LĨNH VỰC CẤP, QUẢN LÝ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN					
1	Xác nhận số Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân thực hiện tại Công an cấp tỉnh	07	01	06	14%
B. CẤP HUYỆN					
I. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ					
1	Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu tại Công an cấp huyện	02	0,5	1,5	25%
II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ, KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ					
1	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT thực hiện tại Công an cấp huyện	04	01	03	25%
III. LĨNH VỰC CẤP, QUẢN LÝ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN					
1	Xác nhận số Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân thực hiện tại Công an cấp huyện	07	01	06	14%
C. CẤP XÃ					
I. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ					
1	Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu tại Công an cấp xã nơi được phân cấp đăng ký xe mô tô, xe gắn máy	02	0,5	1,5	25%

II. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ					
1	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú thực hiện tại Công an cấp xã	03	01	02	33%
2	Xóa đăng ký thường trú thực hiện tại Công an cấp xã	02	0,5	1,5	25%